

Bản án số: 83/2025/DS-PT

Ngày 22 - 8 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Thẩm phán: Bà Vương Thị Thu Hà, ông Nguyễn Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký viên, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang (Cơ sở 2) xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 06/2025/TLPT-DS ngày 20/6/2025, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 17/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập) bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐ-PT ngày 01/8/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Châu G; sinh năm: 1971; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Cán bộ; căn cước công dân số *** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an, cấp ngày 17/6/2022; địa chỉ: Tổ 3 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang (nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang), có mặt.

2. *Bị đơn:*

+ Ông Trần Đình T; sinh năm 1986; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số *** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an, cấp ngày 30/8/2021; địa chỉ: Số nhà 405, Tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang (nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang), có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Triệu Thị T1; sinh năm: 1986; dân tộc: Dao; nghề nghiệp: Giáo viên; căn cước công dân số *** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an, cấp ngày 19/10/2022; địa chỉ: Số nhà 405, Tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang (nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang), có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Chu Thị Linh T2; sinh năm: 1993; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số *** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an, cấp ngày 11/11/2021; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang (nay là xã Y, tỉnh Tuyên Quang), có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Chu Thị Linh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2024, Bản tự khai ngày 18/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Châu G trình bày: Ngày 17/6/2022 ông G đã nhất trí cho ông Trần Đình T, bà Triệu Thị T1, bà Chu Thị Linh T2 vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) được chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà Chu Thị Linh T2, việc vay mượn tiền các bên có lập giấy biên nhận vay tiền và có chữ ký của các bên. Nội dung trong giấy vay tiền thể hiện về thời hạn cho vay từ ngày 17/6/2022 đến ngày 10/8/2022, ông T, bà T1, bà T2 cùng ký, ghi rõ họ, tên và xác nhận đã nhận đủ số tiền đồng thời cam kết sẽ thực hiện việc trả tiền đúng hạn, không thoả thuận về lãi suất. Tuy nhiên đã quá thời hạn trả tiền mà các bị đơn không thanh toán số tiền vay cho ông. Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Đình T, bà Triệu Thị T1, bà Chu Thị Linh T2 cùng phải liên đới trả cho ông số tiền vay theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2022 đã được lập giữa các bên. Tuy nhiên sau khi đối chiếu lại các khoản bà T2 đã chuyển khoản thanh toán ông G xác nhận lại: Tổng số tiền cho ông T, bà T1, bà T2 vay là 500.000.000đ, tuy nhiên bà Chu Thị Linh T2 đã chuyển khoản trả nợ cho ông các lần với tổng số tiền là 196.600.000đ (Một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), như vậy tổng số tiền ông Trần Đình T, bà Triệu Thị T1, bà Chu Thị Linh T2 còn nợ ông đến nay là 303.400.000đ (Ba trăm linh ba triệu bốn trăm nghìn đồng).*

** Tại Bản tự khai ngày 02/4/2025 và Biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2025 bị đơn ông Trần Đình T trình bày: Ngày 17/6/2022 tôi và vợ tôi Triệu Thị T1 có nhận được cuộc gọi điện thoại của bà Chu Thị Linh T2 gọi ra nhà ông Đinh Châu G để làm chứng và tạo niềm tin cho việc bà T2 vay của ông G số tiền 500.000.000đ, việc vay mượn bà T2 có thể chấp 02 sổ bìa đỏ tại nhà ông G, khi vay tiền hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền, tuy nhiên trên thực tế toàn bộ số tiền vay nêu trên hoàn toàn là ông G chuyển cho bà T2 vay, vợ chồng tôi nhất trí hoàn trả số tiền vay nêu trên cho ông G, về phương thức thanh toán số tiền trên mong ông G tạo điều kiện cho vợ chồng tôi có phương án trả nợ phù hợp vì vợ chồng tôi bà đang gặp khó khăn về kinh tế.*

** Tại Bản tự khai ngày 02/4/2025 và Biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2025 bị đơn bà Triệu Thị T1 trình bày: Tôi và chồng tôi là Trần Đình T có được em gái tôi là Chu Thị Linh T2 gọi điện để đến nhà ông G làm chứng về việc bà T2 vay số tiền 500.000.000đ và thể chấp sổ đỏ tại nhà ông Đinh Châu G, tôi và chồng tôi có đến nhà ông G nhằm tạo lòng tin để cho ông G cho bà T2 vay tiền, khi vay hai bên có lập Giấy vay tiền vào ngày 17/6/2022. Trên thực tế khoản vay 500.000.000đ ông G chuyển qua tài khoản cho bà T2 vay và được cầm cố 2 sổ đỏ của bà T2 tại đó. Nay ông G khởi kiện yêu cầu ba chúng tôi phải trả nợ, tôi không nhất trí vì số tiền trên là ông G chuyển cho bà T2 vay và hàng tháng có trả lãi, do bà T2 vỡ nợ, điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chưa có để thanh toán, mong ông G có phương án phù hợp để bà T2 trả nợ.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 14/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập) đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Châu G với ông Trần Đình T, bà Triệu Thị T1, bà Chu Thị Linh T2 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc các bị đơn ông Trần Đình T, bà Triệu Thị T1, bà Chu Thị Linh T2 liên đới trả cho ông Đinh Châu G số tiền còn nợ là 303.400.000đ (*Ba trăm linh ba triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 và mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/5/2025 bị đơn bà Chu Thị Linh T2 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 14/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang với lý do: Giấy biên nhận vay tiền phần nội dung ghi ngày, số tiền không có chữ ký nháy xác thực của bị đơn (ký nháy); Thẩm phán cho rằng bị đơn đã có thể chấp 02 quyền sở đỏ để vay số tiền 500.000.000đ trên là không liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn trong phiên tòa này; Giấy biên nhận vay tiền 17/06/2022 là không đúng, là giả mạo vì khoản vay 500.000.000đ hai thời điểm vay; Tòa án đưa quan điểm bị đơn không hợp tác trong vụ việc giải quyết xét xử là hoàn toàn sai. Bà T2 yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những nội dung sau đây:

- Thay đổi Thẩm phán vì Thẩm phán xét xử không khách quan, không chấp nhận bằng chứng, sao kê bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn.

- Thẩm phán chủ quan tự ý nhận định "Giấy vay tiền" và "Giấy biên nhận vay tiền" đều là một.

- Yêu cầu nguyên đơn trả lại 02 quyền sở đỏ mà bị đơn đã thế chấp để vay khoản tiền 500.000.000đ trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn Chu Thị Linh T2 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là tập sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng Chu Thị Linh T2 và một số tin nhắn chụp màn hình zalo, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G, số tiền bà vay của ông G 500.000.000đ được thế chấp bằng 02 GCNQSDĐ và số tiền bà đã trả cho ông G là 350.000.000đ nay chỉ còn nợ số tiền 150.000.000đ. Bà T1 và ông T chỉ ký bảo đảm cho bà vay tiền ông G chứ không liên quan đến số tiền nợ; bà cho rằng giấy biên nhận vay tiền không đúng như giấy vay tiền bà đã viết khi vay tiền ngày 17/6/2022 nên bà đề nghị được giám định tuổi mực để xác định màu mực ở trang 01 của giấy vay tiền với chữ ký ở trang 02 có cùng màu mực và cùng thời điểm viết hay không.

Ông Đinh Châu G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp tài liệu là 02 chứng từ giao dịch ngày 17/6/2022, chứng minh ông đã chuyển khoản cho bà T2 vay tổng số tiền là 500.000.000đ; không nhất trí với kháng cáo của bà

T2, ông đề nghị HĐXX xem xét buộc bà T2, ông T, bà T1 phải liên đới trả nợ cho ông toàn bộ số tiền còn lại như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ông T, bà T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cùng trình bày ý kiến: Đề nghị giám định chữ viết, độ tuổi của mực tại trang 01 và trang 02 của "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 17/6/2022, chữ viết và chữ ký của cả nguyên đơn và bị đơn có cùng thời điểm không? Ông T, bà T1 là người làm chứng chứ không phải là người vay tiền.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang có ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Chu Thị Linh T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 17/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang (*Nay là TAND khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Chu Thị Linh T2 kháng cáo bản án trong thời hạn, đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt đồng bị đơn bà Triệu Thị T1, ông Trần Đình T. Xét thấy, ông T, bà T1 không có kháng cáo và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Chu Thị Linh T2:

[3.1] Bà T2 cho rằng: Giấy biên nhận vay tiền phần nội dung (*trang 1*) ghi ngày, số tiền không có chữ ký nháy xác thực của bị đơn, HĐXX xét thấy: Tại giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2022 (*BL 06*) thể hiện người vay tiền là ông Trần Đình T, bà Triệu Thị T1 và bà Chu Thị Linh T2, số tiền vay: 500.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 17/6/2022 đến ngày 10/8/2022; có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ và tên của bên vay tiền là ông T, bà T1 và bà T2 (*trang 2*). Ngày 17/6/2022, ông G đã chuyển khoản số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) vào tài khoản của bà T2: Chuyển khoản làm 02 lần (*Lần 1 vào lúc 08 giờ 35 phút ngày 17/6/2025 số tiền 400.000.000đ; Lần 2: 08 giờ 36 phút số tiền: 100.000.000đ*). Theo sao kê tài khoản của bà T2 thì bà T2 đã nhận được số tiền 500.000.000đ như ông G đã chuyển khoản, phù hợp với chứng cứ ông G giao

nộp tại phiên toà là Chứng từ giao dịch ngày 17/6/2022 của Ngân hàng Agribank - chi nhánh huyện Y. Giấy biên nhận vay tiền nêu trên gồm 01 tờ giấy, 02 mặt có chữ, có nội dung thể hiện số tiền vay, thời hạn vay, có chữ ký xác nhận và ghi rõ họ và tên của bên vay. Căn cứ khoản 1 Điều 119 Bộ luật dân sự 2015 quy định: **Hình thức giao dịch dân sự**: “1. *Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*” và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Như vậy, pháp luật không quy định bắt buộc trong giao dịch vay tài sản phải ký nháy ở từng trang thì mới phát sinh hiệu lực, mặt khác bên vay và bên cho vay đều tự nguyện ký thỏa thuận vay, bên vay đã nhận tiền và cũng không có thỏa thuận về nội dung nào khác trong giấy vay tiền, do đó yêu cầu kháng cáo về nội dung này của bà T2 là không có căn cứ.

[3.2] Về số tiền đã trả: Ông G cho rằng bà T2 đã trả số tiền 196.600.000đ (Một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Nay ông yêu cầu ông T, bà T1, bà T2 phải liên đới có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 303.400.000đ (Ba trăm linh ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Bà T2 cho rằng đã trả cho ông G số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể: Ngày 09/6/2022 trả 100.000.000đ, ngày 16/6/2022 trả 70.000.000đ, ngày 09/10/2022 trả 36.600.000đ, các ngày: 27/11/2022, 12/12/2022, 13/02/2023, 10/11/2023, 11/3/2023, 11/4/2023 mỗi lần trả là 20.000.000đ và chỉ còn nợ lại là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên ông G chứng minh số tiền 170.000.000đ (Bà T2 trả 100.000.000đ ngày 09/6/2022 và 70.000.000đ ngày 16/6/2022) là trả cho khoản tiền vay khác không liên quan đến số tiền 500.000.000đ ông cho bà T2, bà T1, ông T vay ngày 17/6/2022. Mặt khác bà T2 cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh số tiền 170.000.000đ là trả cho số tiền vay 500.000.000đ ngày 17/6/2022. Do đó bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G là có căn cứ, kháng cáo của bà T2 cho rằng đã trả cho ông G số tiền 350.000.000đ, chỉ còn nợ ông G số tiền 150.000.000đ là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu kháng cáo về việc: Yêu cầu nguyên đơn trả lại 2 bìa đỏ (GCNQSDĐ) mà bà T2 đã thế chấp tại nhà ông G để vay số tiền 500.000.000đ ngày 17/6/2022. HĐXX xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm các đương sự không đưa ra yêu cầu, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh về việc này, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Mặt khác, trong giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2022 không có nội dung thể hiện bà T2 có thế chấp GCNQSDĐ cho ông G, do đó HĐXX không có cơ sở xem xét. Trường hợp bà

T2 có yêu cầu về việc đòi lại GCNQSDĐ đã cầm cố thì có quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ và khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3.4] Đối với yêu cầu thay đổi Thẩm phán: Trong đơn kháng cáo bà T2 đề nghị thay đổi Thẩm phán vì cho rằng Thẩm phán xét xử không khách quan. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, đương sự không có ý kiến về việc đề nghị thay đổi Thẩm phán vì lý do Thẩm phán tiến hành tố tụng không khách quan. Sau khi xét xử sơ thẩm bà T2 mới nêu nội dung này trong đơn kháng cáo. Do đó, yêu cầu thay đổi Thẩm phán mà bà T2 đưa ra là không có căn cứ pháp luật và không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.5] Ngoài ra, tại phiên tòa bà T2 cho rằng Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2022 là giả mạo, không đúng thực tế và yêu cầu giám định chữ viết, độ tuổi của mực ở trang 01 và trang 02 của Giấy biên nhận vay tiền để xác định có được viết cùng thời điểm hay không, bà khẳng định Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2022 là do bà viết nhưng tờ giấy ông G cung cấp thông tin ở trang 01 là hoàn toàn không đúng thông tin của người vay. HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm các bị đơn không có yêu cầu và cũng không đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho phản đối của mình là có căn cứ để được xem xét. Mặt khác, Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2022 được viết trên 01 tờ giấy và 02 mặt giấy có chữ, các bị đơn đều khẳng định có việc vay tiền của ông G vào ngày 17/6/2022 và ông T, bà T1, bà T2 có ký và ghi rõ họ tên trong giấy vay tiền, lời khai của bà T2 mâu thuẫn không thống nhất, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[4] Về việc ông T, bà T1 có văn bản trình bày ý kiến đề nghị giám định chữ viết, độ tuổi của mực và xác định ông T, bà T1 chỉ là người làm chứng không phải người vay tiền, HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà T1 đã có bản tự khai trình bày ý kiến và xác nhận có ký vào Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2022 tại nhà ông G để bảo đảm cho bà T2 vay tiền của ông G (BL 50-51), mặt khác Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung, hình thức của giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2022 là hợp lệ, các bên đều xác nhận được biết, ký nhận vào trong giấy biên nhận vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và các bên ký kết đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, không bị hạn chế về khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi. Sau khi xét xử sơ thẩm ông T, bà T1 không làm thủ tục kháng cáo, cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào hợp pháp để chứng minh cho phản đối của mình. Do đó không có căn cứ để xem xét.

[5] Cấp sơ thẩm buộc các bị đơn ông Trần Đình T, bà Triệu Thị T1, bà Chu Thị Linh T2 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Đinh Châu G số tiền còn nợ là 303.400.000đ là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 288 của Bộ Luật dân sự năm 2015. Trường hợp có phát sinh tranh chấp trong việc liên

đổi trả nợ số tiền nêu trên giữa bà T1, ông T với bà T2 thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích cụ thể nêu trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị Linh T2, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 14/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang (*Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – tỉnh Tuyên Quang*).

[7] Xét thấy: Tại mục 3 phần QĐ của BAST đã tuyên: "*Về phương thức và thời điểm trả tiền: Các bị đơn ông T, bà T1, bà T2 có trách nhiệm thanh toán một lần toàn bộ số tiền 303.400.000đ trước ngày 14/7/2025. Người nhận là ông Đinh Châu G...*" là không cần thiết, do đó HĐXX cần tuyên lại phần Quyết định của bản án sơ thẩm để đảm bảo tính chính xác.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T2 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị Linh T2; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 14/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang (*Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – tỉnh Tuyên Quang*):

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 244, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Châu G với ông Trần Đình T, bà Triệu Thị T1, bà Chu Thị Linh T2 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc các bị đơn ông Trần Đình T, bà Triệu Thị T1, bà Chu Thị Linh T2 liên đới trả cho ông Đinh Châu G số tiền còn nợ là 303.400.000đ (*Ba trăm linh ba triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 và mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Buộc các bị đơn ông Trần Đình T, bà Triệu Thị T1, bà Chu Thị Linh T2 liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.170.000^d (Mười lăm triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Trả lại cho ông Đinh Châu G số tiền 12.000.000^d (Mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0003207 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang).

- Án phí phúc thẩm: Bà Chu Thị Linh T2 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003231, ngày 18/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- TAND KV8-Tuyên Quang;
- Phòng THADS KV8-Tuyên Quang;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mỹ Lệ